

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 21-5- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 05 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Phạm Văn B, sinh năm 1990 (Tên gọi khác: Không). Nơi ở và ĐKNKTT: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Hoa (đã chết) và bà Bùi Thị C, sinh năm 1962; có vợ là Vũ Thị Thu H, sinh năm 1990 và có 03 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên Hà Xuân T, sinh năm 1991 (Tên gọi khác: Không).

Nơi ở và ĐKNKTT: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; con ông: Không xác định và bà Hà Thị V, sinh năm 1965. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Ngày 04/7/2018 Công an xã Q, huyện N ra Quyết định số 09 xử phạt vi phạm hành chính đối với Hà Xuân T phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Ngày 05/7/2018 Hà Xuân T đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên Phan Văn V, sinh năm 1993 (Tên gọi khác: Không). Nơi ở và ĐKNKTT: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; con ông Phan Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1998; Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Ngày 27/01/2017 Công an huyện N, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 64 xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng đối với Phan Văn V về hành vi Tàng trữ trái phép pháo nổ. Ngày 17/02/2017 Phan Văn V đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (Tên gọi khác: Không). Nơi ở và ĐKNKTT: thôn 1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; có vợ là Bùi Thị N, sinh năm 1994 và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Ngày 19/5/2014 Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 112 xử lý vi phạm hành chính phạt tiền với 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20/05/2014 Nguyễn Văn L đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên Lương Hồng Đ, sinh năm 1997 (Tên gọi khác: Không). Nơi ở và ĐKNKTT: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Lương Văn P, sinh năm 1966 và bà Mai Thị T, sinh năm 1971. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Phạm Kiên T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Anh Phan Ngọc L, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/02/2020, Phạm Văn B đến quán nước của anh Phan Ngọc L ở thôn Đ, xã Q, huyện N ngồi uống nước. Khi đi B mang theo 01 bộ bài lơ khơ 36 quân bài nhằm mục đích gặp người quen thì rủ đánh bạc. Khi đến quán nước của anh L thì Phạm Văn B đã gặp Hà Xuân T cũng đến đó ngồi chơi uống nước. Tại đây Phạm Văn B đã rủ Hà Xuân T đánh bạc thì T đồng ý. Sau đó có Phan Văn V đến T đã rủ V đánh bạc thì Phan Văn V nhất trí. Lúc này Phạm Văn B nói với T, V đến gia đình nhà anh Phạm Kiên T sinh năm 1973 ở thôn Đ, xã Q, huyện N (là anh họ của B) để nhờ địa điểm đánh bạc. Khoảng 21 giờ cùng ngày Phạm Văn B, Hà Xuân T và Phan Văn V đi bộ đến nhà anh Phạm Kiên T thấy gia đình anh T cửa mở. Do Phạm Văn B, Hà Xuân T và Phan Văn V tưởng anh T đi vắng không biết anh Toàn lúc này đã uống rượu say ngủ trong nhà nên Ba, Trường, V đã đi theo lối hành lang đến buồng ngủ nhà anh Phạm Kiên T thấy có 01 chiếu cói đã được trải sẵn tại gian buồng ngủ thì Phạm Văn B lấy trong người ra 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài tú lơ khơ ký hiệu từ A đến 9 mang theo để làm công cụ cho mọi người đánh bạc rồi cùng T, V ngồi xuống chiếu để đánh bạc. Trước khi vào đánh bạc Phạm Văn B, Hà Xuân T và Phan Văn V thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Đánh ba cây” được thua bằng tiền với mức cá cược trong mỗi ván thấp nhất là 100.000 đồng và cao nhất là 300.000 đồng thì mọi người đồng ý.

Phạm Văn B, Hà Xuân T và Phan Văn V bắt đầu ngồi đánh bạc từ khoảng 21 giờ ngày 18/02/2020. Quá trình đánh bạc đến khoảng 22 giờ thì có Nguyễn Văn L và 22 giờ 30 phút cùng ngày thì có Lương Hồng Đ lần lượt đến gia đình nhà anh Phạm Kiên T chơi thấy mọi người đang đánh bạc nên L, Đ vào tham gia đánh bạc. Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ ngồi đánh bạc đến hồi 00 giờ 15 phút ngày 19/02/2020 đã bị Tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Công an xã Q phát hiện bắt quả tang. Trong quá trình bắt quả tang Tổ công tác đã khống chế và bắt giữ được Phạm Văn B, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ còn Hà Xuân T và Phan Văn V lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy thoát. Tổ công tác đã thu giữ tại chiếu bạc trước mặt những người đánh bạc tổng số tiền 20.100.000 đồng; 36 quân bài tú lơ khơ ký hiệu từ A đến 9; 01 chiếu cói đôi; 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen của Phạm Văn B;

01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus và 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 150.000 đồng của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max của Lương Hồng Đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 106 của Phan Văn V để lại khi bỏ chạy. Sau đó cùng ngày 19/02/2020, Hà Xuân T và Phan Văn V đã ra đầu thú tại Công an huyện N. Phan Văn V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 1.300.000 đồng và khai nhận đây là số tiền mà V khi bỏ chạy đã mang theo trong người; Hà Xuân T khai nhận khi bỏ chạy không mang theo tài sản gì.

Cơ quan điều tra đã chứng minh số tiền Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc là 21.550.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSNQ-HS ngày 16/04/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm “i, s” khoản 1, Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Văn L đề nghị xử phạt các bị cáo, mức phạt cụ thể:

+ Bị cáo Phạm Văn B từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ (bị cáo được trừ đi 05 ngày bị tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% đến 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Văn B để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (bị cáo được trừ đi 05 ngày bị tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% đến 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn L để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm “i, s” khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Xuân T; Phan Văn V đề nghị xử phạt các bị cáo, mức phạt cụ thể:

+ Bị cáo Hà Xuân T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ (bị cáo được trừ đi 05 ngày bị tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% đến 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Hà Xuân T để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

+ Bị cáo Phan Văn V từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (bị cáo được trừ đi 05 ngày bị tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% đến 7 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Phan Văn V để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

* Áp dụng khoản 1, Điều 321; các điểm “i, s” khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Hồng Đ đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền, mức phạt từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 21.550.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ ký hiệu từ A đến 9 và 01 chiếc còi đôi

Lời nói sau cùng của các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng đã thu giữ. Mặt khác được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 00 giờ 15 phút ngày 19/02/2020 tại gia đình nhà anh Phạm Kiên T ở thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Đánh ba cây” được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 21.550.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

“ Điều 321. Tội đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng“

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng được Nhà nước bảo hộ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nhưng vì mục đích lợi nhuận mà các bị cáo bất chấp cố ý thực hiện.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc như vậy mới có tác dụng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung cũng như giúp các bị cáo có thời gian cải tạo rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai

báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Hà Xuân T và Phan Văn V có ra đầu thú tại cơ quan Công an, Phạm Văn B lại đang mắc bệnh tiểu đường nên áp dụng cho các bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về nhân thân: Riêng bị cáo Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L có nhân thân xấu.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo mặc dù không có tính chất tổ chức, hình thức phạm tội là đồng phạm giản đơn. Nhưng trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Cần nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

Đối với bị cáo Phạm Văn B là người khởi xướng việc đánh bạc bằng hình thức “Đánh Liêng” được thua bằng tiền đồng thời cũng là người chuẩn bị công cụ và thực hành tích cực. Vì vậy, bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này với vai trò thứ nhất.

Đối với các bị cáo Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ giữ vai trò là người thực hành tích cực khi được Phạm Văn B rủ đánh bạc. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án. Tuy nhiên với bị cáo Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L đều có nhân thân xấu vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Đăng. Bản thân bị cáo Hà Xuân T có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo còn lại nên bị cáo Hà Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại.

Từ những nhận định trên xét thấy cần áp dụng Điều 36 BLHS xét xử các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L bằng hình phạt không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương là đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo

Đối với bị cáo Lương Hồng Đ không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này đối với anh Phạm Kiên T là chủ nhà đã đi ngủ không biết việc Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ sử dụng gian buồng ngủ của gia đình mình làm địa điểm đánh bạc nên không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo Lương Hồng Đ do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L cần áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập của các bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Văn B là vai trò thứ nhất trong vụ án nhưng lại là thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị bệnh tiểu đường nên áp dụng mức phạt bổ sung thấp hơn bị cáo Hà Xuân T và bằng bị cáo Phan Văn V, Nguyễn Văn L. Khấu trừ 7% thu nhập của Hà Xuân T và Phan Văn V vì các bị cáo có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn còn với Phạm Văn B và Nguyễn Văn L khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen thu giữ của Phạm Văn B; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus cùng 01 ví da màu đen thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max thu giữ của Lương Hồng Đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 106 thu giữ của Phan Văn V. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định những điện thoại nêu trên là tài sản hợp pháp của các bị can không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cơ quan điều tra Công an huyện N đã trả lại cho các bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ, Phan Văn V là phù hợp.

+ Đối với số tiền 21.550.000 đồng, đây là số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với 36 quân bài tú lơ khơ ký hiệu từ A đến 9 và 01 chiếc cối đôi không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Riêng bị cáo Phạm Văn B là gia đình thuộc hộ cận nghèo và tại phiên tòa bị cáo có đề nghị miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B, Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (Trừ cho bị cáo 5 ngày tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn B 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hà Xuân T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (Trừ cho bị cáo 5 ngày tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Hà Xuân T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn V 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (Trừ cho bị cáo 5 ngày tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn V 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (Trừ cho bị cáo 5 ngày tạm giữ = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Hồng Đ 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 21.550.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). (Số tiền này hiện đang gửi tại tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N).

- Tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tứ lơ khơ ký hiệu từ A đến 9 và 01 chiếc còi đôi. (Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Hà Xuân T, Phan Văn V, Nguyễn Văn L, Lương Hồng Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn B.

4. Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- CA huyện N;
- Những người TGGT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

PHẠM THANH TÙNG